

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công nhận đạt chuẩn đầu ra Tin học cho sinh viên  
đại học chính quy kỳ thi tháng 03/2022

**GIÁM ĐỐC**

**PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP TẠI TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Quyết định số 4213/QĐ-BGDĐT ngày 05/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 4534/QĐ-BNN-TCCB ngày 02/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1881/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc ban hành Quy định chuẩn đầu ra và tổ chức đánh giá chuẩn đầu ra tiếng Anh và Tin học đối với sinh viên tốt nghiệp trình độ đại học;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng ngày 08 tháng 4 năm 2022 xét công nhận đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh và Tin học cho sinh viên chính quy;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.


**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận đạt chuẩn đầu ra Tin học cho 226 sinh viên hệ đào tạo chính quy của Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai, kỳ thi tháng 3/2022.

(Danh sách kèm theo)

**Điều 2.** Các sinh viên trong danh sách được công nhận đạt chuẩn đầu ra theo quy định tại Quyết định số 1881/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp.

**Điều 3.** Trường phòng Đào tạo, Giám đốc Trung tâm TH&NN, Trưởng các Khoa, các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:   
- Như Điều 3;  
- Lưu: VT, ĐT.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
  
Mai Hải Châu

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA TIN HỌC

(Kèm theo Quyết định số: 361 /QĐ-PHĐHLN-ĐT ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Giám đốc Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai)

STT	Họ và tên		Lớp	Điểm		Kết quả
				Lý thuyết	Thực hành	
1	Huỳnh Thanh	An	K63_KHCT	6,0	5,5	Đạt
2	Nguyễn Thị Thúy	An	K65B3_LT_QLDD_CQ	7,3	5,0	Đạt
3	Dương Tiến	Anh	K62A_THUY	7,7	6,5	Đạt
4	Lương Hoàng	Anh	K63B_THUY	5,3	5,0	Đạt
5	Trần Ngọc	Ánh	K63A_THUY	5,0	5,3	Đạt
6	Lê Thị Ngọc	Ánh	K64B3_LT_QLDD_CQ	7,0	5,0	Đạt
7	Văn Bảo	Bảo	K63B_THUY	7,7	8,3	Đạt
8	Vũ Hoàng	Bảo	K63_QLDD	6,3	8,3	Đạt
9	Trần Trọng	Bình	K62B_THUY	6,7	5,5	Đạt
10	Bạch Thị Thái	Bình	K63A_THUY	6,3	5,0	Đạt
11	Võ Thị	Bông	K66A5_LT_QLDD_CQ	9,0	8,8	Đạt
12	Hoàng Thị Bích	Cầm	K63B_THUY	6,0	8,3	Đạt
13	Trương Thị Quý	Chăm	K65B3_LT_QLDD_CQ	7,7	5,0	Đạt
14	Ngô Thị Ngọc	Châu	K63B_THUY	8,0	9,5	Đạt
15	Tổng Thị	Chi	K63A_THUY	6,3	5,8	Đạt
16	Mạc Văn	Chính	K62B_THUY	6,7	6,0	Đạt
17	Lê Đình	Chung	K63_QLDD	7,0	5,5	Đạt
18	Dụng Khắc	Côn	K63_QLDD	6,7	7,8	Đạt
19	Đỗ Văn Huy	Cường	K63B_THUY	5,7	5,3	Đạt
20	Hoàng Văn	Cường	K64B3_LT_QLDD_CQ	7,7	5,0	Đạt
21	Nguyễn Văn	Cường	K64B3_LT_QLDD_CQ	5,3	5,0	Đạt
22	Phạm Quốc	Đạo	K62A_THUY	5,0	5,5	Đạt
23	Nguyễn Chí	Đạt	K63A_THUY	7,0	6,5	Đạt
24	Lại Thị Thanh	Diệp	K62B_THUY	6,0	5,5	Đạt
25	Lê Thị Phương	Diệp	K62A_THUY	7,3	5,0	Đạt
26	Nguyễn Vũ Minh	Đức	K62A_THUY	5,7	5,5	Đạt
27	Nguyễn Việt	Đức	K9B_LT_VB2_QLDD_CQ	7,7	5,0	Đạt
28	Đỗ Thành Đạt	Đức	K63_QLTNMT	9,0	7,8	Đạt
29	Nguyễn Thị Thu	Dung	K64B1_KETOAN	5,7	5,0	Đạt
30	Trần Hoàng	Dũng	K62B_THUY	6,0	5,0	Đạt
31	Nguyễn Hữu	Dũng	K66A5_LT_QLDD_CQ	9,7	6,8	Đạt
32	Nguyễn Hữu	Dương	K62A_THUY	6,7	6,5	Đạt
33	Nguyễn Ngọc	Duy	K62A_THUY	5,7	5,0	Đạt
34	Trần Hữu	Duy	K63_QLDD	6,0	6,5	Đạt
35	Võ Thanh	Duy	K63_QLDD	7,3	5,0	Đạt
36	Ngô Trường	Giang	K63_QLDD	7,7	6,0	Đạt
37	Nguyễn Ngô Lệ	Giang	K63B_THUY	7,3	9,0	Đạt

38	Đặng Việt	Hà	K64B3_LT_QLDD_CQ	8,7	5,0	Đạt
39	Bùi Quốc	Hải	K62B_THUY	6,7	6,3	Đạt
40	Lê Thị Mỹ	Hằng	K63A_THUY	7,7	5,0	Đạt
41	Nguyễn Nhật	Hào	K63A_THUY	5,0	5,5	Đạt
42	Vy Thị Minh	Hào	K63B_THUY	7,3	9,3	Đạt
43	Huỳnh Công	Hậu	K62A_THUY	7,3	6,0	Đạt
44	Lưu Phước	Hậu	K63_KHCT	9,0	7,3	Đạt
45	Nguyễn Thị	Hậu	K63_QLDD	8,0	5,3	Đạt
46	Võ Tấn	Hậu	K63A_THUY	6,0	6,3	Đạt
47	H'	Hiên	K63_QLTNMT	5,3	5,0	Đạt
48	Nguyễn Thị Thu	Hiên	K63_QLTNMT	7,0	6,0	Đạt
49	Đỗ Đức	Hiệp	K65B3_LT_QLDD_CQ	9,3	7,3	Đạt
50	Lý Thanh	Hiệp	K63B_THUY	6,0	5,0	Đạt
51	Nguyễn Thị Thu	Hiếu	K64_QLTNMT	5,7	7,0	Đạt
52	Võ Minh	Hiếu	K63_QLTNR	7,7	5,3	Đạt
53	Trần Huy	Hiệu	K62A_THUY	9,3	6,8	Đạt
54	Nguyễn Thị	Hoa	K62A_THUY	6,0	5,0	Đạt
55	Nguyễn Thị	Hoa	K65B3_LT_QLDD_CQ	8,3	8,0	Đạt
56	Đỗ Việt	Hoàng	K8A_LT_QLDD_CQ	5,0	5,0	Đạt
57	Ngô Văn	Hoàng	K64B3_LT_QLDD_CQ	7,0	5,0	Đạt
58	Nguyễn Xuân	Hoàng	K62A_THUY	7,0	5,5	Đạt
59	Đặng Hiếu	Học	K9B_LT_VB2_QLDD_CQ	5,7	5,5	Đạt
60	Trần Vũ	Hội	K62A_THUY	7,0	5,0	Đạt
61	Trần Thị Tuyết	Hồng	K63_KT	9,0	8,5	Đạt
62	Trịnh Thị Mỹ	Hồng	K63A_THUY	8,0	6,8	Đạt
63	Vũ Thu	Huế	K63B_THUY	8,3	6,8	Đạt
64	Chương Thế	Hùng	K9B_LT_TY_CQ	8,0	5,5	Đạt
65	Nguyễn Tấn	Hùng	K62A_THUY	7,0	6,8	Đạt
66	Lê Vũ	Hùng	K63_KT	7,3	6,5	Đạt
67	Vũ Trọng	Hùng	K63A_THUY	9,3	7,3	Đạt
68	Nguyễn Văn	Hung	K9B_LT_TY_CQ	6,3	5,0	Đạt
69	Nguyễn Thị	Hương	K62A_THUY	7,3	6,8	Đạt
70	Nguyễn Thị Diễm	Hương	K9B_LT_TY_CQ	8,0	7,8	Đạt
71	Đoàn Thị Yên	Hương	K63_QLDD	5,7	5,3	Đạt
72	Phạm Thị	Hường	K63B_THUY	6,0	5,0	Đạt
73	Nguyễn Vũ	Huy	K62A_THUY	6,7	6,5	Đạt
74	Đỗ Thị Thương	Huyền	K65B3_LT_QLDD_CQ	9,3	9,5	Đạt
75	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	K62A_THUY	9,0	6,5	Đạt
76	Hoàng Thị Thu	Huyền	K63A_THUY	8,0	6,8	Đạt
77	Kon Sơ Ha Ngọc	Khang	K63_KHCT	5,3	5,0	Đạt
78	Nguyễn Đăng	Khoa	K63_KT	5,7	8,0	Đạt
79	Nguyễn Văn	Khoa	K63A_THUY	5,0	5,8	Đạt
80	Hoàng Lê Đăng	Khoa	K62A_THUY	7,3	5,0	Đạt
81	Lý	Kiệt	K9B_LT_TY_CQ	6,0	5,5	Đạt

TR  
 I  
 ĐƯỜNG

*(Handwritten signature)*

82	Nguyễn Quốc Kiệt	Kiệt	K62A_THUY	5,0	5,0	Đạt
83	Phạm Hoàng Vũ	Kiệt	K63_QLDD	6,0	6,5	Đạt
84	Lơ Mu Ha Kim	Kim	K63_QLTNR	5,3	5,0	Đạt
85	Vũ Nguyễn Phong	Lan	K63B_THUY	7,7	6,5	Đạt
86	Phan Văn Liên	Liên	K65B3_LT_QLDD_CQ	8,7	5,3	Đạt
87	Nguyễn Việt Linh	Linh	K64B3_LT_QLDD_CQ	6,0	5,8	Đạt
88	Nguyễn Phương Thảo	Linh	K63A_THUY	6,7	5,0	Đạt
89	Nhữ Mai	Linh	K64_CNCBLS	6,3	5,0	Đạt
90	Bùi Thị Hồng	Loan	K63_QLTNMT	7,7	5,0	Đạt
91	Vũ Văn Lợi	Lợi	K62A_THUY	7,0	5,0	Đạt
92	Phạm Thanh Long	Long	K9B_LT_TY_CQ	8,3	7,0	Đạt
93	Diệp Ân Thành	Long	K62A_THUY	6,0	5,8	Đạt
94	Đào Hoàng Long	Long	K63_TKNT	8,3	6,0	Đạt
95	Nguyễn Hoàng Long	Long	K63B_THUY	8,0	5,8	Đạt
96	Phan Phụng Võ	Long	K63A_THUY	6,0	5,0	Đạt
97	Phan Vững	Luân	K62B_THUY	7,7	5,0	Đạt
98	Lê Thanh Lục	Lục	K65B3_LT_QLDD_CQ	9,3	6,3	Đạt
99	Đặng Thành Lý	Lý	K64B3_LT_QLDD_CQ	8,3	5,5	Đạt
100	Nguyễn Tấn Mạnh	Mạnh	K62A_THUY	6,0	5,0	Đạt
101	Nguyễn Văn Mạnh	Mạnh	K63_TKNT	5,0	5,0	Đạt
102	Nguyễn Đình Mão	Mão	K9B_LT_TY_CQ	6,7	5,0	Đạt
103	Nguyễn Sinh May	May	K63B_THUY	6,3	5,0	Đạt
104	Hoàng Thị Giáng	Mi	K62A_THUY	7,0	6,3	Đạt
105	Trần Công Minh	Minh	K63_QLTNMT	7,7	5,8	Đạt
106	Võ Văn Minh	Minh	K63_QLTNMT	6,3	5,0	Đạt
107	Phạm Thị Ny Na	Na	K66A5_LT_QLDD_CQ	7,7	5,0	Đạt
108	Lưu Bích Ngân	Ngân	K63_KT	5,7	5,0	Đạt
109	Vũ Thị Thúy Ngân	Ngân	K63B_THUY	5,0	5,0	Đạt
110	Nguyễn Hữu Nghĩa	Nghĩa	K9B_LT_VB2_QLDD_CQ	8,0	6,5	Đạt
111	Nguyễn Thanh Nghĩa	Nghĩa	K63_QLTNR	5,7	5,0	Đạt
112	Phạm Khánh Ngọc	Ngọc	K62B_THUY	7,3	7,0	Đạt
113	Đoàn Thị Hồng Ngọc	Ngọc	K63_KT	5,0	5,3	Đạt
114	Lê Văn Ngọc	Ngọc	K63B_THUY	5,3	5,0	Đạt
115	Trần Kim Ngọc	Ngọc	K63_KT	6,3	6,3	Đạt
116	Lê Đặng Sông Ngự	Ngự	K63B_THUY	5,0	5,8	Đạt
117	Phan Thị Thảo Nguyên	Nguyên	K63_KT	8,0	6,3	Đạt
118	Trần Thế Nguyên	Nguyên	K63A_THUY	8,0	5,0	Đạt
119	Bùi Thị Nhân	Nhân	K63_KT	5,7	5,0	Đạt
120	Nguyễn Thái Bảo Nhân	Nhân	K62A_THUY	6,7	6,3	Đạt
121	Nguyễn Thành Nhân	Nhân	K62A_THUY	5,7	7,5	Đạt
122	Nguyễn Đức Minh Nhật	Nhật	K63B_THUY	7,0	6,3	Đạt
123	Phạm Thị Nhi	Nhi	K62A_THUY	7,0	5,0	Đạt
124	Nguyễn Hiệp Nhi	Nhi	K62A_THUY	8,3	7,0	Đạt
125	Ng. Thụy Quỳnh Như	Như	K62A_THUY	6,3	6,0	Đạt

126	Trần Võ Huỳnh	Như	K62A_THUY	6,7	6,5	Đạt
127	Bo Bo Thị Quỳnh	Như	K63_KHCT	5,0	5,0	Đạt
128	Dong Gur Ma	Nít	K63_QLTNR	5,3	5,3	Đạt
129	Lê Thị Chúc	Ny	K62A_THUY	7,7	5,8	Đạt
130	Ngô Lê Đỡ	Ny	K65B3_LT_QLDD_CQ	9,0	8,5	Đạt
131	Huỳnh Thị Mỹ	Oanh	K62A_THUY	6,0	9,3	Đạt
132	Nguyễn Công	Phú	K63A_THUY	7,7	7,0	Đạt
133	Phạm Duy Hoàng	Phúc	K62A_THUY	7,0	6,0	Đạt
134	Trần Duy	Phúc	K63_TKNT	7,3	5,8	Đạt
135	Nguyễn Hữu	Phước	K62A_THUY	7,7	5,0	Đạt
136	Nguyễn Duy	Phương	K62A_THUY	6,0	5,8	Đạt
137	Chamaléa	Phương	K63_QLTNR	7,0	5,5	Đạt
138	Trịnh Minh	Phương	K63_KHCT	5,7	5,8	Đạt
139	Đình Thị	Phượng	K7B_LT_QLDD_CQ	7,0	5,5	Đạt
140	Nguyễn Huy	Quang	K63A_THUY	7,0	5,8	Đạt
141	Doãn Vương	Quốc	K62A_THUY	6,3	5,0	Đạt
142	Nguyễn Văn	Quý	K62A_THUY	5,3	7,0	Đạt
143	Trần Phúc	Quỳnh	K63_KHCT	8,3	6,5	Đạt
144	Nguyễn Thị Phương	Sâm	K63B_THUY	8,0	6,3	Đạt
145	H	San	K63_KT	5,3	6,8	Đạt
146	Đặng Quốc	Son	K62A_THUY	6,0	7,3	Đạt
147	Đoàn Thanh	Son	K66A5_LT_QLDD_CQ	7,3	6,0	Đạt
148	Văn Ngọc Nam	Son	K62A_THUY	7,0	7,3	Đạt
149	Võ Hồng	Son	K62A_THUY	8,0	5,0	Đạt
150	Trần Thái	Son	K64B3_LT_QLDD_CQ	7,7	5,0	Đạt
151	Đỗ Tấn	Tài	K9B_LT_TY_CQ	6,3	5,0	Đạt
152	Phan Đức	Tài	K63A_THUY	8,3	6,0	Đạt
153	Trần Anh	Tài	K63A_THUY	6,7	5,0	Đạt
154	Võ Anh	Tài	K63B_THUY	8,3	7,0	Đạt
155	Phạm Minh	Tâm	K9B_LT_TY_CQ	5,0	6,8	Đạt
156	Trần Thị Mĩ	Tâm	K62A_THUY	7,7	8,0	Đạt
157	Lương Trọng	Tân	K65B3_LT_QLDD_CQ	9,0	7,0	Đạt
158	Cao Văn	Tân	K63_QLTNMT	5,0	5,0	Đạt
159	Nguyễn Ngọc	Thắm	K63A_THUY	5,0	5,3	Đạt
160	Đặng Văn	Thắng	K62A_THUY	7,3	8,3	Đạt
161	Mai Đức	Thắng	K65B3_LT_QLDD_CQ	9,0	8,5	Đạt
162	Nguyễn Đức	Thắng	K62A_THUY	7,3	5,0	Đạt
163	Nguyễn Hữu	Thắng	K64B3_LT_QLDD_CQ	6,7	8,0	Đạt
164	Nguyễn Văn	Thắng	K63B_THUY	8,0	5,5	Đạt
165	Lại Thị	Thanh	K65B3_LT_QLDD_CQ	9,0	9,8	Đạt
166	Lê Đình	Thành	K9B_LT_TY_CQ	5,7	5,8	Đạt
167	Trần Công	Thành	K63_QLDD	7,0	7,0	Đạt
168	Trịnh Thị Thanh	Thao	K62B_THUY	8,0	6,0	Đạt
169	Lê Thị Phương	Thảo	K65B3_LT_QLDD_CQ	9,0	8,3	Đạt

170	Khúc Phương	Thảo	K63B_THUY	7,0	5,5	Đạt
171	Phan Lê Thạch	Thảo	K64_KETOAN	6,7	6,0	Đạt
172	Huỳnh Thị Thanh	Thảo	K66A5_LT_QLDD_CQ	7,3	8,3	Đạt
173	Trần Văn	Thiên	K62A_THUY	6,7	5,3	Đạt
174	Neáng Sóc	Thịnh	K63_KT	5,7	6,3	Đạt
175	Nguyễn Quang	Thịnh	K9B_LT_TY_CQ	7,0	5,8	Đạt
176	Nguyễn Hữu	Thọ	K63_QLTNMT	8,7	5,0	Đạt
177	Võ Văn	Thông	K64_QLDD	7,7	5,0	Đạt
178	Vũ Minh	Thư	K62A_THUY	9,0	9,8	Đạt
179	Nguyễn Vĩnh	Thuy	K9B_LT_VB2_QLDD_CQ	6,7	6,3	Đạt
180	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	K63B_THUY	7,3	7,0	Đạt
181	Trần Thị	Thúy	K63_KT	7,3	6,8	Đạt
182	Trần Thị Ngọc	Thúy	K63_KT	6,7	8,8	Đạt
183	Trần Thị Thanh	Thúy	K9B_LT_TY_CQ	7,3	7,3	Đạt
184	Hứa Thị	Thùy	K63_KT	6,7	7,0	Đạt
185	Nguyễn Minh	Tiên	K9B_LT_TY_CQ	7,3	5,0	Đạt
186	Nguyễn Mạnh	Toàn	K63A_THUY	5,3	6,5	Đạt
187	K	Tổng	K63_QLTNR	5,0	5,0	Đạt
188	Đinh Thị Hồng	Trâm	K63A_THUY	5,3	5,0	Đạt
189	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	K63_QLTNR	6,3	5,8	Đạt
190	Nguyễn Thị Thùy	Trang	K63_QLDD	6,3	7,0	Đạt
191	Nguyễn Thị Kiều	Trang	K63_KT	8,0	6,0	Đạt
192	Nguyễn Thị Kiều	Trang	K63_QLTNMT	7,7	5,8	Đạt
193	Nguyễn Thị Thùy	Trang	K63A_THUY	7,3	5,0	Đạt
194	Nguyễn Minh	Trí	K62A_THUY	7,0	5,8	Đạt
195	Lê Nguyễn Minh	Trí	K64B3_LT_QLDD_CQ	7,0	9,8	Đạt
196	Võ Đại Hoàng	Triệu	K62B_THUY	5,3	6,8	Đạt
197	Trịnh Thị Kiều	Trinh	K62A_THUY	6,3	8,5	Đạt
198	Đặng Thị Huỳnh	Trinh	K63_QLTNR	7,0	5,3	Đạt
199	Trần Thị Lan	Trinh	K63B_THUY	6,0	6,3	Đạt
200	Nguyễn Xuân	Trọng	K62A_THUY	8,7	6,5	Đạt
201	Phan Kim	Trọng	K62A_THUY	6,3	5,3	Đạt
202	Nguyễn Cửu	Trọng	K64B3_LT_QLDD_CQ	7,3	5,0	Đạt
203	Chế Quang Minh	Trung	K63A_THUY	6,7	5,5	Đạt
204	Nguyễn Thành	Trung	K63_QLDD	9,3	8,5	Đạt
205	Phan Nhất	Trung	K63_QLTNMT	8,7	7,5	Đạt
206	Nguyễn Lê Nhựt	Trương	K62A_THUY	6,0	5,3	Đạt
207	Lê Tấn	Trương	K63_QLTNMT	6,7	5,8	Đạt
208	Lưu Chí	Trương	K63_QLTNR	5,7	5,0	Đạt
209	Nguyễn Minh	Trương	K63_QLTNMT	8,0	6,8	Đạt
210	Quách Hồ Anh	Tú	K63A_THUY	5,3	5,0	Đạt
211	Nguyễn Thanh	Tuân	K63B_THUY	7,3	7,5	Đạt
212	Huỳnh Bạch Anh	Tuấn	K62A_THUY	7,3	7,5	Đạt
213	Văn Vương	Tùng	K63_TKNT	7,0	5,3	Đạt

*Handwritten signature*

214	Nguyễn Đức	Tường	K63_KHCT	8,3	6,3	Đạt
215	Lư Thị Bích	Tuyên	K62_QTKD	5,7	5,0	Đạt
216	Nguyễn Thị Ánh	Tuyên	K63_QLDD	6,0	5,0	Đạt
217	Phạm Thị	Việt	K65B1_LT_KT_BH_CQ	6,7	5,0	Đạt
218	Trần Ngọc	Vinh	K62B_THUY	7,0	5,3	Đạt
219	Nguyễn Quang	Vinh	K9B_LT_VB2_QLDD_CQ	6,7	5,8	Đạt
220	Bùi Thế	Vũ	K62A_THUY	5,7	6,0	Đạt
221	Trần Tấn	Vũ	K63A_THUY	8,3	6,3	Đạt
222	Nguyễn Thị	Vui	K62A_THUY	7,0	5,0	Đạt
223	Nguyễn Thùy Lan	Vy	K63_QLDD	6,0	7,0	Đạt
224	Lê Văn	Xuân	K65B3_LT_QLDD_CQ	9,0	8,3	Đạt
225	Trần Kim	Xuyến	K62A_THUY	8,0	9,3	Đạt
226	Huỳnh Thị Như	Ý	K63A_THUY	7,0	5,8	Đạt

Danh sách này có 226 sinh viên./.